

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký TAND huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 132/2024/TLST-VDS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 132/2024/QĐST-VDS ngày 19/4/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Vượng, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã F, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã F, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tuyền - Chức vụ: Chủ tịch (Có đơn xin vắng mặt).

2. Nguyễn Đức Vượng, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã F, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và tại phiên họp, chị Nguyễn Thị G trình bày: Ngày 26/11/1990, chị kết hôn với anh Nguyễn Đức Vượng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã F trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng gia đình anh G tại thôn D, xã F. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đức Vượng, do không am hiểu pháp luật và không nhớ ngày sinh nên đã đi đăng ký kết hôn khi chị chưa đủ tuổi (cụ thể: 16 tuổi 3 tháng 19 ngày), sau khi kết hôn, vợ chồng

không chung sống từ đó đến nay. Hiện tại, vợ chồng chị không còn tình cảm. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: Anh chị không có con chung

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Đức Gđã được Toà án tổng đạt Thông báo thụ lý việc dân sự, Thông báo mở phiên họp và triệu tập tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng không tham gia, không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Đại diện UBND xã F có văn bản xác định: Anh Nguyễn Đức Gsinh tháng 01/1971 và chị Nguyễn Thị Gsinh tháng 05/1972 cùng trú tại thôn D, xã F, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có đăng ký kết hôn ngày 26/11/1990 tại UBND xã F và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60 quyền số 01/1990. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị Gvà anh Nguyễn Đức Gđầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật. Đến nay chị Nguyễn Thị Gcó cung cấp căn cứ thể hiện chị Nguyễn Thị Gsinh năm 1974. Do đó, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Khoản 6, Điều 3, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 2,3,4 Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016; Điều 29, 35, 39, 362, 365, 366 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Toà án: Hủy kết hôn trái pháp luật năm 1990 giữa anh Gvà chị Vượng.

Chị Gphải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tại phiên họp nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Gcó đơn yêu cầu đề nghị Toà án “Hủy kết hôn trái pháp luật” với anh Vượng. Anh chị có cùng địa chỉ: thôn D, xã F, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh,

chị Gxuất trình giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã F, huyện Tiên Du do đó căn cứ vào Khoản 1, Điều 29; Điểm b, Khoản 2, Điều 35 và Điểm g, Khoản 2, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục mở phiên họp: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức Gđược tổng đạt văn bản, triệu tập tham gia phiên họp nhưng anh Gkhông trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã F, huyện Tiên Du đã có văn bản trình bày ý kiến, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ việc:

Chị Nguyễn Thị Gxuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản gốc ngày 26/11/1990 tại UBND xã F. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi chị Gsinh tháng 05/1972.

Theo Căn cước công dân chị Nguyễn Thị Gsinh ngày 07/07/1974. Căn cứ xác nhận của UBND xã F xác định chị Nguyễn Thị Gtrong các giấy tờ ghi trên các văn bản trên là cùng một người.

Theo như lời trình bày của chị Gthể hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị Gkhông nhớ rõ ngày sinh. Như vậy, khi đăng ký kết hôn tại UBND xã F, chị Gmới được 16 tuổi 03 tháng 19 ngày.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/11/1990, chị Gchưa đủ tuổi kết hôn, việc chị đăng ký kết hôn đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Nay chị Gcó đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiên Du hủy việc kết hôn trái pháp luật năm 1990 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung và tài sản: Chị Gvà anh Gkhông có con chung, không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Gphải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Khoản 1, Điều 29; Điểm b, khoản 2, Điều 35; Điểm g, khoản 2, Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5,9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Vượng.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Đức G theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/11/1990 của Ủy ban nhân dân xã F, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- **Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:** Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001350 ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

- **Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã F;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Lan Hương